

Số: 54 /2024/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 146/TTr-STC ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Văn bản số 5618/STC-GCS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc Dự thảo Quyết định quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về phân công, phân cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Những nội dung khác liên quan đến quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện bình ổn giá**

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện bình ổn giá theo chủ trương của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế ban hành.

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 20 của Luật Giá.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều Sở thì tùy theo tình hình cụ thể Ủy ban nhân dân thành phố phân công cho một trong các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá, tham mưu cho Ủy ban nhân



dân thành phố báo cáo kết quả về Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

3. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính.

4. Đối với trường hợp bình ổn giá tại phạm vi địa phương, Sở quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Khoản 1 Điều này gửi hồ sơ đến Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc bình ổn giá tại địa phương; thực hiện rà soát, đánh giá diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế, tổng hợp kết quả và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời trực tiếp gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **Điều 4. Trách nhiệm thẩm định phương án giá và đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá**

1. Phân công cơ quan thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định;

b) Thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ;

c) Trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá để xem xét, điều chỉnh giá; kiểm tra, xem xét kiến nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; thực hiện việc thẩm định điều chỉnh phương án giá và trình cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu để các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể theo Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. //

4. Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ chuẩn bị hồ sơ theo quy định để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

### **Điều 5. Trách nhiệm quản lý kê khai giá**

1. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại Điều 28 Luật Giá và Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

c) Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, đề xuất xây dựng và điều chỉnh danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo nhiệm vụ tiếp nhận kê khai giá tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này, gửi Sở Tài chính để tổng hợp trước ngày 02 tháng 01 hằng năm.

3. Trách nhiệm rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương như sau:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý lĩnh vực, chuyên ngành tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức rà soát, ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương và không thuộc danh sách kê khai giá của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương trước ngày 15 tháng 02



hàng năm hoặc khi phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách tổ chức thực hiện kê khai giá.

### **Điều 6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá**

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá được thực hiện trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Giá. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc thành phố có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền hoặc thực hiện theo nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, thẩm định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân thành phố phân công tại các Điều 3, 4 và 5 Quyết định này.

### **Điều 7. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường**

1. Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường định kỳ và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ trên địa bàn thành phố, trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 15, Khoản 1, Khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại Khoản 2, 3 Điều này.

2. Cục Thống kê phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của thành phố, phân tích diễn biến CPI của thành phố trong kỳ báo cáo (nếu có), phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

3. Phân công các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung; chi tiết phân công thực hiện theo phụ lục III kèm theo Quyết định này.

4. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC;

c) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại Khoản 3 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm. //

5. Đối với công tác báo cáo giá thị trường đột xuất, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để gửi báo cáo đến Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 15, Khoản 1, Khoản 3 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng báo cáo giá thị trường trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

### **Điều 8. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá**

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư, xây dựng và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

### **Điều 9. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá**

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; thực hiện nhiệm vụ vận hành, bảo trì, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

### **Điều 10. Trách nhiệm cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá**

1. Các sở, ngành, cơ quan thuộc thành phố chịu trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố do Sở quản lý lĩnh vực, chuyên ngành chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan thuộc thành phố quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai theo phân công tại Khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

d) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu của Ủy ban nhân dân thành phố do sở, ngành, cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

đ) Giá thực hiện khai thác tài sản công tại cơ quan và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. *A*



2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập hoặc do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai theo phân công tại Khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

c) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu của Ủy ban nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

d) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

đ) Giá thực hiện khai thác tài sản công tại cơ quan và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Ngoài các thông tin quy định tại Khoản 1, 2 Điều này, các sở, ngành, cơ quan thuộc thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương cụ thể như sau:

a) Sở Tài chính: Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Bộ Tài chính; Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp tại Điểm c Khoản này; Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; Giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Bảng giá đất thành phố; Giá đất được ghi trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả trúng đấu giá; các loại giá đất khác do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định tại pháp luật về đất đai.

c) Sở Xây dựng: Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm cả đất kèm theo; Các loại giá thực hiện theo pháp luật về nhà ở do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định;

d) Sở Y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền tại thành phố định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo: Học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập do cơ quan có thẩm quyền tại thành phố định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học;

e) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt: Giá gói thầu, Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

### **Điều 11. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá**

1. Sở Tài chính: Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc thành phố về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân thành phố phân công tại Quyết định này.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức trong danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực thực hiện kê khai giá trên địa bàn thành phố.

3. Thành viên đoàn kiểm tra (bao gồm trưởng đoàn kiểm tra) do các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ kiểm tra quyết định.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tại Khoản 1, 2 Điều này có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố để phê duyệt theo quy định.

### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 11/09/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Bãi bỏ Khoản 12 Điều 1 Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định 1063/2015/QĐ-UBND và Khoản 1 Điều 23 Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định 1063/2015/QĐ-UBND ngày 21/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố. *u*



4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 20 Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp; quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

*“6. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, thực hiện xây dựng và thẩm định phương án giá theo Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật Giá. Đối với nguồn vốn khác thực hiện theo Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.”*

### **Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện quyết định này, nếu có vướng mắc hoặc nội dung đặc thù cần hướng dẫn, các đơn vị báo cáo về Sở Tài chính để hướng dẫn giải quyết và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung vượt thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 13;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Báo HP, Báo ANHP, Đài PTTHHP, Cổng Thông tin điện tử TP;
- Các Phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, TC3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

**PHỤ LỤC I:**

**Trách nhiệm thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ**

(Kèm theo Quyết định số **54**/2024/QĐ-UBND ngày **20** tháng **12** năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thực hiện việc thẩm định phương án giá
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Sở Giao thông vận tải (đối với cảng, bến thủy nội địa); - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với cảng cá)
5	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Nước sạch	- Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với khu vực nông thôn)
8	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thực hiện việc thẩm định phương án giá
9	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.	Sở Y tế
10	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế
11	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
12	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Nhà ở công vụ	Sở Xây dựng
14	Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở	
15	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn	
16	Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở	
17	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
18	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường
20	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
21	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
22	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Sở Giao thông vận tải
23	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thực hiện việc thẩm định phương án giá
24	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	- Sở Xây dựng (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại cụm công nghiệp) - Sở Công thương (đối với dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại cụm công nghiệp)
25	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải
26	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
27	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
28	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công thương
29	Trường hợp thực hiện biện pháp bình ổn giá tại địa phương theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 20 Luật Giá năm 2023 là Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ



**Phụ lục II:**

**Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ**

(Kèm theo Quyết định số 54 /2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		
1	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)		Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô		Sở Giao thông vận tải

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
4	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do thành phố quản lý		Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do thành phố quản lý		Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do thành phố quản lý		Sở Giao thông vận tải
7	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do thành phố quản lý		- Sở Giao thông vận tải (đối với cảng, bến thủy nội địa); - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với cảng cá)
8	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn (ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế) và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng		Sở Y tế
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng		Sở Tư pháp
10	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ mà Ủy ban nhân dân thành phố định khung giá, giá tối đa		- Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. - Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.
<b>III</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành</b>		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài		Sở Xây dựng



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
	nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		
4	Thép xây dựng		Sở Xây dựng
5	Than		Sở Công thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá		Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Giao thông vận tải
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Giao thông vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
15	Thiết bị y tế		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
<b>IV</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại thành phố Hải Phòng</b>		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Du lịch	Sở Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Du lịch	Sở Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương	Sở Công thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường



**PHỤ LỤC III:**

**Phân công cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ**

(Kèm theo Quyết định số **54** /2024/QĐ-UBND ngày **20** tháng **12** năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
<b>I</b>	<b>LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM</b>			
1	Thóc tẻ	(Theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá)	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Gạo tẻ		đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)		đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Thịt bò thăn	Loại 1 hoặc phổ biến	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lồi, loại 200 - 300 gram/ cái	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5 - 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Cá quả (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Tôm thẻ chân trắng	Loại 40-45 con/kg	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Bắp cải trắng	Loại to vừa Khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
13	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Giò lụa	Loại 1kg	đ/kg	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	(Theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá)		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>II</b>	<b>VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>			
18	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	(Theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá)		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>III</b>	<b>VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT</b>			
20	Xi măng PCB 30	bao 50 kg	đ/bao	Sở Xây dựng
21	Xi măng PCB 40	bao 50 kg	đ/bao	Sở Xây dựng
22	Xi măng PCB 50	bao 50 kg	đ/bao	Sở Xây dựng
23	Thép cuộn	D6 CB 240	đ/kg	Sở Xây dựng
24	Thép cuộn	D8 CB 240	đ/kg	Sở Xây dựng
25	Thép thanh vằn	D10 CB 300	đ/kg	Sở Xây dựng
26	Phôi thép vuông	100 x 10, dài 12m	đ/kg	Sở Xây dựng
27	Phôi thép dẹt	40 x 4, dài 6m	đ/kg	Sở Xây dựng
28	Phôi thép dẹt	50 x 5, dài 6m	đ/kg	Sở Xây dựng
29	Thép góc	L50	đ/kg	Sở Xây dựng
30	Thép góc	L60	đ/kg	Sở Xây dựng
31	Thép góc	L63-65	đ/kg	Sở Xây dựng
32	Thép góc	L70-75	đ/kg	Sở Xây dựng
33	Thép góc	L80-100	đ/kg	Sở Xây dựng
34	Cát xây	Mua rời dưới 2m <sup>3</sup> /lần, tại nơi	đ/m <sup>3</sup>	Sở Xây dựng



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
		cung ứng (không phải nơi khai thác)		
35	Cát vàng	Mua rời dưới 2m <sup>3</sup> /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m <sup>3</sup>	Sở Xây dựng
36	Cát đen đổ nền	Mua rời dưới 2m <sup>3</sup> /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m <sup>3</sup>	Sở Xây dựng
37	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên	Sở Xây dựng
38	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	(Theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá)		Sở Công thương
<b>IV</b>	<b>DỊCH VỤ Y TẾ</b>			
39	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	(Theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá)		Sở Y tế
40	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân			Sở Y tế
<b>V</b>	<b>GIAO THÔNG</b>			
41	Trông giữ xe máy		đ/lượt	Sở Giao thông Vận tải
42	Trông giữ ô tô		đ/lượt	Sở Giao thông Vận tải
43	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	(Theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá)		Sở Giao thông Vận tải
44	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi			Sở Giao thông Vận tải
<b>VI</b>	<b>DỊCH VỤ GIÁO DỤC</b>			
45	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm			Sở Giáo dục và Đào tạo



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
	non công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục			
46	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục			Sở Giáo dục và Đào tạo
47	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	(Theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá)		Sở Giáo dục và Đào tạo
48	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp			Sở Lao động - Thương binh và xã hội

